TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST- HNGĐ	*Đan Phượng, ngày 21 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha, mẹ cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 114/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha, mẹ cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 38a/2020/QĐST - HNGĐ ngày 04/9/2020; Thông báo mở lại phiên họp giải quyết việc dân sự ngày 15/9/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu:*

- Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Cụm 6, xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Bãi Thảo 3, xã Bắc A, huyện Chí L, tỉnh Hải Dương (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn Sài Phi, xã Minh Đ, huyện Mỹ H, tỉnh Hưng Yên (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

- Ủy ban nhân dân xã Hạ M1, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội

Trụ sở: Xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Th - Chủ tịch UBND xã (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2, huyện Mai S, tỉnh Sơn La

Trụ sở: Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn Th1 - Chủ tịch UBND xã (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án anh Nguyễn Khắc L trình bày: Năm 2010, anh và chị Nguyễn Thị M có quan hệ tình cảm với nhau. Gia đình anh đã ngăn cản không cho anh kết hôn với chị M vì chị M và anh chênh lệch tuổi. Do chị M có bầu nên anh và chị M cương quyết kết hôn, sinh sống cùng nhau mặc cho gia đình anh ngăn cản. Sau đó, chị M đã tự ý lấy chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H là em gái ruột chị M và cùng anh đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/3/2013 của UBND xã Hạ M tên người chồng (Nguyễn Khắc L), tên người vợ (Nguyễn Thị H), anh khẳng định chữ ký (H), chữ viết (Nguyễn Thị H) là chữ của chị Nguyễn Thị M (vợ anh) còn chị H, không đến UBND xã để đăng ký kết hôn với anh và không hề biết sự việc này. Sau đó, anh và chị M tổ chức lễ cưới ở cơ quan anh nhưng không làm lễ cưới theo phong tục tại địa phương của hai bên gia đình. Anh và chị M sinh sống cùng nhau từ đó cho đến nay và có 02 người con. Gia đình chị M đồng ý anh là dể của gia đình còn gia đình anh chỉ đồng ý chị M là con dâu trong gia đình từ khi chị M mang thai cháu thứ hai. Đầu năm 2020, anh và chị M nhận thấy việc tự ý lấy chứng minh thư nhân dân của chị H là em gái ruột của chị M để đăng ký kết hôn là thủ tục kết hôn giả tạo vì anh không có tình cảm gì với chị H, chưa hề chung sống cùng chị H. Anh và chị M thông báo cho chị H về thủ tục kết hôn. Nay anh và chị H đều thống nhất đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau sinh được 02 cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014. Do đăng ký khai sinh phải căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn nên cháu D, H1 được khai sinh tên mẹ đẻ là Nguyễn Thị H. Anh đồng ý với yêu cầu của chị M, chị H đề nghị Tòa án xác định cha, mẹ cho con giữa anh, chị M, chị H với cháu Nguyễn Nam D, Nguyễn Ngọc H1.

Về tài sản chung, nợ: Anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh và chị Nguyễn Thị M chung sống cùng nhau từ năm 2010 có tạo lập được tài sản nhưng anh và chị M đang sinh sống cùng nhau nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là em gái ruột của chị M, chị xác nhận mối quan hệ giữa chị với anh L, chị M như anh Lâm trình bày trên. Tòa án giải quyết

vụ án, chị được xem giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 tên người chồng (Nguyễn Khắc Lâm), tên người vợ (Nguyễn Thị H), chị khẳng định chưa hề đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 đăng ký kết hôn cũng như ký kết bất cứ giấy tờ gì liên quan đến anh L và chị M. Chị và anh L không có tình cảm và cũng chưa hề chung sống với anh L. Anh L tự ý làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị nhưng lại sinh sống với chị M là kết hôn giả tạo. Chị yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh L. Chị và anh L, chị M đều thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân huyện Đan Phượng giải quyết yêu cầu trên. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh L không có con chung. Anh Nguyễn Khắc L và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau sinh được 02 cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014. Cháu D, cháu H1 được khai sinh tên mẹ đẻ là Nguyễn Thị H thì chị không biết. Chị đồng ý với yêu cầu của anh L, chị M đề nghị Tòa án xác định mẹ cho con giữa chị với cháu Nguyễn Nam D, Nguyễn Ngọc H1.

Về tài sản chung, nợ: Anh Nguyễn Khắc L với chị không có tài sản chung gì nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

***** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị xác nhận mối quan hệ giữa chị với chị H, anh L như anh L, chị H trình bày trên. Chị và anh L có quan hệ tình cảm, nguyện vọng được chung sống cùng nhau. Do gia đình anh L ngăn cản nên chị và anh L cầm chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 đăng ký kết hôn. Sau đó, chị và anh L không tổ chức lễ cưới, chỉ chung sống cùng anh L như anh L, chị H trình bày là đúng. Nay, chị nhận thấy việc tự ý lấy chứng minh thư nhân dân của em gái chị là chị H để đăng ký kết hôn là thủ tục giả tạo. Chị đồng ý với yêu cầu của chị H đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị H với anh L. Chị và anh L, chị H đều thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân huyện Đan Phượng giải quyết yêu cầu trên. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Các yêu cầu về con chung, tài sản chung thì đồng ý với yêu cầu của chị H, anh L.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 có Công văn số 139/CV- UB ngày 18/8/2020 phúc đáp yêu cầu của anh L, chị M, chị H như sau: Qua kiểm tra sổ sách đăng ký kết hôn năm 2013 lưu tại UBND xã thì anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn. Theo thông tin Ủy ban xã nắm được, anh L có tổ chức vài mâm cơm giới thiệu vợ anh L là chị Nguyễn Thị M chứ không phải chị Nguyễn Thị H. Anh L, chị M chung sống từ đó cho đến nay và có con chung. Ủy ban nhân dân xã nhận thấy do sơ suất trong việc đối chiếu chứng minh thư của người đăng ký kết hôn với người trực tiếp đến đăng ký kết hôn; bản thân anh L với chị M không thành thật khai báo nên Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký kết hôn ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tên người chồng

(Nguyễn Khắc L), tên người vợ (Nguyễn Thị H). Ủy ban nhân dân xã đồng ý với yêu cầu của anh L, chị H, chị M đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 có Công văn số 36a/CV- UBND ngày 20/8/2020 phúc đáp yêu cầu của anh L, chị M, chị H như sau: Qua kiểm tra sổ sách đăng ký khai sinh năm 2014 lưu tại UBND xã thì cháu Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Nam D khai sinh tên bố Nguyễn Khắc L, tên mẹ Nguyễn Thị H. Ủy ban nhân dân xã đối chiếu trình tự thủ tục khai sinh cho cháu H, D là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đối chiếu với kết quả giám định ADN của cháu D, cháu H với ADN của anh L, chị M, chị H thì Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 đồng ý với yêu cầu của anh L, chị M, chị H sẽ tiến hành thủ tục đính chính hộ tịch với cháu D, cháu H1 khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp anh L trình bày: Do anh và chị M có tình cảm và chung sống cùng nhau từ năm 2010 đến nay. Anh và chị H chưa hề đền Uỷ ban nhân dân xã Hạ M2 đăng ký kết hôn; ngày 29/3/2013, anh và chị M đến UBND xã Hạ M1 đăng ký kết hôn có khai phần người vợ Nguyễn Thị H; tháng 10/2013, chị Nguyễn Thị H đến Ủy ban nhân dân xã Bắc A, huyện Chí L, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn cùng anh Nghiêm Văn Th3. Quá trình chung sống cùng chị M anh biết cháu Nguyễn Nam D không phải là con đẻ của anh nhưng anh nuôi dưỡng cháu từ khi cháu sinh ra đến nay và coi cháu như con đẻ. Anh giữ nguyên yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh với chị H và xác định cha, mẹ cho con giữa anh, chị H, chị M với cháu D, H 1theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H đều có yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và xác định cha, mẹ cho con giữa anh L, chị M, chị H với cháu Nguyễn Nam D, cháu Nguyễn Ngọc H1 là có căn cứ nên yêu cầu của anh L, chị M, chị H cần được chấp nhận. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh L, chị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự; chị M được miễn nộp án phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H đều có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật; anh L, chị Nguyễn Thị M, chị H đều yêu cầu xác định cha, mẹ cho con giữa anh L, chị H, chị M với cháu D, cháu

H1 và lựa chọn Tòa nhân dân huyện Đan Phượng giải quyết việc dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý yêu cầu của anh L, chị H, chị M là phù hợp với Điều 29, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự: Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị M, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Hạ M1, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 đều có lời trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng chị M, chị H và Ủy ban nhân dân xã Hạ M1, Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 là có căn cứ.

[2]. Xét yêu cầu của anh L, chị M, chị H đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp giữa anh L với chị H.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 29/3/2013 do đương sự cung cấp, tài liệu liên quan lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 và lời khai của các đương sự đều xác nhận: Chị M là chị gái ruột của chị H. Chị M đã lấy chứng minh thư nhân dân của chị H đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M1 thực hiện đăng ký kết hôn với anh L. Chị H không hề biết sự việc này. Toàn bộ chữ ký, chữ viết phần (người vợ ký H - Nguyễn Thị H) ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn đều không phải chữ của chị H mà là chữ của chị M. Tháng 10/2013, chị Nguyễn Thị H đến Ủy ban nhân dân xã Bắc A, huyện Chí L, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn cùng anh Nghiêm Văn Th3. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã Hạ M xác nhận do sơ suất không đối chiếu chứng minh thư nhân dân với người đăng ký kết hôn nên đã có việc đăng ký kết hôn nêu trên. Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị H trong giấy chứng nhận kết hôn nêu trên với mẫu chữ ký, chữ viết do chị H viết tại Tòa án. Tại kết luận giám định số 225/KLGĐ-PC09 - Đ4 ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận "Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị H ghi trong giấy chứng nhận kết hôn so sánh, giám định với mẫu chữ viết Nguyễn Thị H không phải do cùng một người viết ra; còn chữ ký không có đủ cơ sở kết luận chữ ký của một người ký ra hay không". Từ phân tích trên thì Ủy ban nhân dân xã Hạ M thực hiện đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Khắc L và chị Nguyễn Thị H là giả tạo, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, yêu cầu của anh L, chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu của anh L, chị M, chị H đề nghị xác định cha, mẹ cho con giữa anh L, chị M, chị H với cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014.

Quá trình tham gia tố tụng, anh L, chị M, chị H đều khẳng định anh Lâm, chị M chung sống cùng nhau có 02 con chung là cháu D, cháu H. Chị H và anh L ngoài mối quan hệ là em gái chị M thì không có mối quan hệ, liên quan nào khác. Hai cháu D, H1 đều khẳng định chị H là dì ruột của 02 cháu, các cháu chung sống cùng bố mẹ đẻ là anh L và chị M từ nhỏ cho đến nay. Để có căn cứ pháp lý xác định quan hệ huyết thống cha, mẹ thì Tòa án trưng cầu giám định gien của anh L, chị M, chị H với cháu Nguyễn Nam D, Nguyễn Ngọc H1. Ngày 23/7/2020, Công

ty trách nhiệm hữu hạn LOCI ADN kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Khắc L và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Nam D không cùng quan hệ huyết thống cha – con; người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Khắc L và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Ngọc H1 có cùng quan hệ huyết thống cha – con; người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị H và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Nam D không cùng quan hệ huyết thống mẹ – con; người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị H và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Ngọc H1 không cùng quan hệ huyết thống mẹ – con; người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị M và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Nam D có cùng quan hệ huyết thống mẹ – con; người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị M và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Ngọc H1 có cùng quan hệ huyết thống mẹ – con. Yêu cầu của anh L có căn cứ chấp nhận một phần; yêu cầu của chị M, chị H có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Anh L và chị H xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không phải xem xét.

Anh L, chị M chung sống cùng nhau xác nhận có tạo lập được tài sản chung nhưng anh, chị không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định nên Tòa án chấp nhận.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự; chị M được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật hộ tịch; các Điều 29, 39, 361, 370, 371, 372 và Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 12, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển 1 ngày 29/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã Hạ M1, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Khắc L về việc xác định cha cho con như sau:

Xác định: Anh Nguyễn Khắc L không phải là bố đẻ của cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011. Anh Nguyễn Khắc L là bố đẻ của cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị M về việc xác định mẹ con như sau:

Xác định chị Nguyễn Thị H không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014.

Xác định chị Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014.

4. Anh L, chị M, chị H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Nam D, sinh ngày 08/3/2011 (Theo giấy khai sinh số 204, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 khai sinh); cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 09/7/2014 (Theo giấy khai sinh số 188, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 khai sinh).

5. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Khắc L, chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0014503 và 0014489 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Trả lại chị Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0014504 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Anh Nguyễn Khắc L có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị H, Ủy ban nhân dân xã Hạ M1, Ủy ban nhân dân xã Chiềng M2 có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Hạ Mỗ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu